TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Bùi Thị S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trịnh Quốc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H), tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 29 tháng 8 năm 2011, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị S và anh H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của chị S và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2]. Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Trịnh Bùi L, sinh ngày 27/3/2012. Chị S và anh H thỏa thuận, chị S trực tiếp nuôi cháu L, anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng).* Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh H

và chị S phù hợp với nguyện vọng của cháu L và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần công nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H thỏa thuận, chị S chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, cần công nhận sự thỏa thuận này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H.

- Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H thừa nhận có 01 con chung, cháu tên là Trịnh Bùi L, sinh ngày 27/3/2012. Chị S và anh H thỏa thuận, giao cháu Trịnh Bùi L cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng).* Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị S.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị S và anh Trịnh Quốc H về việc chị S chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị S đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E, số 0002030 ngày 22 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị S đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hồng